

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-VDS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lương Trần Trọng N, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số X đường NKV, phường PB, thị xã HT, tỉnh TTH.

- Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số X đường NKV, phường PB, thị xã HT, tỉnh TTH.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống với nhau không hạnh phúc nên hai người đã sống ly thân lâu nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh

Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Lương Trần Gia P, sinh ngày 04/01/2017. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Lương Trần Trọng N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Trần Gia P, chị Phạm Thị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lương Trần Gia P trưởng thành (từ đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N thuận tình ly hôn.

- **Về con chung và việc nuôi con:** Anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N công nhận vợ chồng có 01 người con chung là cháu Lương Trần Gia P, sinh ngày 04/01/2017. Hai bên thỏa thuận giao cho anh Lương Trần Trọng N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Trần Gia P, chị Phạm Thị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lương Trần Gia P trưởng thành (từ đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày anh Lương Trần Trọng N có đơn yêu cầu thi hành án, chị Phạm Thị N không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung:** Anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Lương Trần Trọng N và chị Phạm Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Lương Trần Trọng N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003810 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Phạm Thị N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003811 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Phú Bài (ĐKKH ngày 03/3/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú